

Quyết định số: 05/2020/HS-GĐT
Ngày 16 tháng 4 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiên.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc Hà và Ông Lê Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Thắng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

*** Người bị kết án:**

1. Trương Xuân P, sinh ngày 17/01/1968; trú tại: tỉnh Kon Tum; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên công ty Lâm nghiệp I; con ông Trương Xuân Đ (đã chết) và bà Vũ Thị L (sinh năm 1940); có vợ là Vũ Thị A (sinh năm 1977) và có 01 con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 16/12/2011, bị Tòa án Quân sự Quân khu 5 tuyên phạt 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Tham ô tài sản*” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 04/2011/HSPT; bị tạm giam từ ngày 18/6/2018, đến ngày 01/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho tại ngoại.

2. Trần Hữu N, sinh ngày 25/7/1989; trú tại: tỉnh Đắk Lắk; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trần Hữu K (sinh năm 1958) và bà Bùi Thị V (sinh năm 1958); có vợ là Nguyễn Thị T (sinh năm 1991) và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 18/6/2018, đến ngày 01/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho tại ngoại.

3. Lê Văn N1, sinh ngày 14/3/1975; trú tại: tỉnh Gia Lai; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Lê Hữu N và bà Lê Thị Y (đều đã chết); có vợ là Trần Thị M (sinh năm 1976) và có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 18/6/2018, đến ngày 01/8/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, cho tại ngoại.

*** Nguyên đơn dân sự:** Công ty TNHH MTV lâm nghiệp I, huyện I, tỉnh

Kon Tum.

NHẬN THẤY:

Ngày 10/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện I, tỉnh Kon Tum cùng lực lượng liên ngành tổ chức khám nghiệm hiện trường vụ án “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” tại các tiểu khu 739, 744, 749 thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV lâm nghiệp I, huyện I, tỉnh Kon Tum (gọi tắt là Công ty) thuộc địa giới hành chính xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum. Trong quá trình khám nghiệm, lực lượng chức năng đã thu giữ tang vật gồm 01 xe máy cày hiệu Komatsu, 02 rơ moóc trong trạng thái không hoạt động được và 296 lóng, hộp gỗ. Sau khi khám nghiệm, Cơ quan điều tra giao cho Công ty bảo quản toàn bộ vật chứng nêu trên nhằm tránh bị mất mát, hư hỏng, tránh bị trao đổi.

Sau khi được giao bảo quản tang vật, Công ty đã phân công cho nhân viên của Công ty, gồm: Trương Xuân P (Phó Trưởng trạm Bảo vệ rừng số 08), Nguyễn Văn P, Phùng Chí M và Phạm Ngọc L...bảo quản tang vật. Quá trình bảo quản, do tang vật ở sâu trong rừng, thời tiết không thuận lợi nên Công ty đã xin ý kiến cấp có thẩm quyền và được đồng ý cho di chuyển tang vật là 01 xe máy cày và 02 rơ moóc về bảo quản tại Tổ liên ngành thuộc thôn 9, xã I, huyện I. Do xe máy cày bị hư hỏng không di chuyển được, nên Trương Xuân P được giao nhiệm vụ tìm người sửa chữa máy cày, rồi phối hợp với lực lượng chức năng di chuyển xe tang vật về địa điểm bảo quản.

Ngày 14/6/2018, Trương Xuân P liên lạc và nhờ Lê Văn N1 sửa chữa xe máy cày. Khi N1 lên hiện trường thì thấy xe máy cày to và đường đi khó, không thể kéo đi được, nên N1 bàn với P tìm người có máy cày giống máy cày tang vật để sửa chữa, P đồng ý. N1 điện thoại cho anh Hồ Quang Sáng để hỏi, anh Sáng cho biết Trần Hữu N có xe máy cày giống như xe tang vật và cho số điện thoại của N để liên lạc. N1 điện thoại liên hệ thì N đồng ý sửa xe máy cày tang vật, Sau đó, N bảo Trần Hữu Q là em ruột N và đối tượng tên H lên kiểm tra tình trạng xe máy cày tang vật, rồi báo lại cho N. Ngày 16/6/2018, N hẹn gặp P theo sự giới thiệu của N1; khoảng 11 giờ cùng ngày, P, N và N1 gặp nhau tại quán cà phê Thanh Hà tại thôn 3, xã G, huyện G. Sau khi uống cà phê, cả ba đến nhậu tại quán Bảo Long ở cùng thôn. Tại đây, P và N bàn bạc về việc N đưa xe máy cày của N lên để tráo đổi với xe máy cày tang vật nhưng P nói “*Để về bàn với mấy anh em trong tổ công tác*”. Lúc này, N đưa cho P số tiền 2.000.000 đồng thì P đồng ý cho N tráo đổi xe tang vật, sau đó cả ba ra về. Đến 15 giờ cùng ngày, P điện thoại cho N1 nói “*Bảo thẳng N sau khi xong việc thì đưa thêm 20 triệu nữa để bồi dưỡng cho mấy anh em tổ công tác*”. N1 điện thoại cho N nói lại nội dung P đã nói, thì N đồng ý đưa thêm 20.000.000 đồng sau khi xong việc, N1 điện thoại cho P biết N đồng ý với yêu cầu của P.

Khoảng 20 giờ ngày 17/6/2018, N và P thống nhất đưa xe máy cày đi tráo đổi, N gọi điện bảo Q và H đang có mặt tại nơi bảo quản xe tang vật điều khiển xe máy cày tang vật hiệu Komatsu, kéo theo 01 rơ moóc ra khỏi hiện trường đi về hướng tỉnh Gia Lai, còn N điều khiển xe máy cày của mình vào Tổ liên

ngành tại thôn 9, xã I để tráo đổi theo kế hoạch. Khi đi được một đoạn thì xe máy cày của N bị thủng lốp nên N nhờ anh T đến sửa. Sau khi sửa xong, N nhờ anh T chạy xe vào Tổ liên ngành, còn N đi xe máy đến chỗ hẹn với P, và được P hướng dẫn N và anh T điều khiển xe máy cày của N vào Tổ liên ngành. Khi đến chốt liên ngành thuộc xã I thì ông A Mỹ là cán bộ Công an huyện I đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát chặn lại không cho vào vì không phải là xe tang vật. N bảo anh T điều khiển xe máy cày quay lại nhưng khi đến lô cao su thì xe bị hỏng nên T đưa xe đi cất giấu. Sau khi sự việc bị phát hiện, P báo cho anh Tổng Tấn L là Phó giám đốc Công ty tổ chức truy tìm xe máy cày tang vật; đến 06 giờ ngày 18/6/2018 thì phát hiện, thu giữ xe máy cày tang vật tại khu vực nông trường 705, xã IK, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07, ngày 24/6/2018 Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện I, tỉnh Kon Tum kết luận: chiếc xe máy cày hiệu Komatsu trị giá 157.300.000 đồng, 01 rơ moóc trị giá 10.500.000 đồng. Tổng giá trị là 167.800.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HS-ST ngày 18/4/2019, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum tuyên phạt: Trương Xuân P 18 tháng tù; Trần Hữu N 14 tháng tù; Lê Văn N1 12 tháng tù cùng về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, các bị cáo Trương Xuân P, Trần Hữu N, Lê Văn N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo P tự nguyện rút đơn kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo P tại Quyết định số 10/2019/HSPT-QĐ ngày 03/7/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/9/2019, các bị cáo N và N1 tự nguyện rút đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm tại Quyết định số 19/HSPT-QĐ ngày 30/9/2019.

Ngày 16/01/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm số 09/QĐ-VC2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, huỷ Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện I và các Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 10/2019/HSPT-QĐ ngày 3/7/2019 và số 19/2019/HSPT-QĐ ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật, với lý do: Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” là chưa đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo P đủ yếu tố cấu thành tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại Điều 354 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo

N1 đủ yếu tố cấu thành tội “*Môi giới hối lộ*” theo quy định tại Điều 365 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

XÉT THẤY:

[1]. Sau khi khám nghiệm hiện trường trong vụ án “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”, lực lượng chức năng đã thu giữ tang vật và giao cho Công ty bảo quản toàn bộ vật chứng nhằm tránh mất mát, hư hỏng, tránh bị tráo đổi. Để thực hiện nhiệm vụ này, ngày 6/6/2018 Công ty đã ban hành Quyết định số 52/QĐ-CT của Công ty lâm nghiệp I về việc thành lập Tổ bảo vệ hiện trường vụ vi phạm cất giấu gỗ trái phép tại thôn 9 xã I, gắn với nhiệm vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng (BL-99). Nhiệm vụ của Tổ là phối hợp chặt chẽ cơ quan đơn vị có thẩm quyền, bảo vệ chặt chẽ hiện trường, tang vật, phương tiện. Tổ có 13 thành viên, trong đó có Trương Xuân P là Phó trưởng trạm bảo vệ rừng số 8 làm thành viên. Như vậy Trương Xuân P là người có trách nhiệm được giao nhiệm vụ bảo quản tang vật chứng là xe máy cày Komatsu. Còn các bị cáo Trần Hữu N và Lê Văn N1 không có chức vụ quyền hạn gì, do đó không thỏa mãn điều kiện về chủ thể của tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

[2]. Trương Xuân P là người có trách nhiệm được giao nhiệm vụ bảo quản tang vật chứng là xe máy cày Komatsu, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân đã nhận 2.000.000 đồng của Trần Hữu N để đồng ý cho N đánh tráo xe tang vật vụ án. Sau đó, bị cáo P tiếp tục thông qua bị cáo Lê Văn N1 đòi bị cáo N phải đưa thêm 20.000.000 đồng sau khi xong việc. Quá trình điều tra giải quyết vụ án, bị cáo P đã khai nhận hành vi phạm tội. Cụ thể tại biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2018 (BL 199, 201, 202) P khai: “*Trong quá trình nói chuyện anh N có nói với tôi là anh N1 đã có giới thiệu với N là tôi là người quản lý tang vật vụ án, có gì trao đổi về công việc. Tôi thấy anh nam nói vậy về vấn đề trao đổi xem máy cày tang vật với xe máy cày không nằm trong tang vật giữa tôi và anh N. Anh N có nói với tôi là sau khi xong công việc trao đổi tang vật vụ án là xe máy thì anh N sẽ bồi dưỡng cho tôi 20 triệu, lúc đó cả anh N1 cũng biết*”, “*khi nhậu xong về thì anh N có đưa cho tôi một số tiền bỏ vào túi quần của tôi. Tôi ghé quán nước lấy ra 10 tờ 200.000 đồng, bằng 2 triệu. Tôi trả nợ đám cưới 300.000 đồng, mua thức ăn, thuốc lá, đồ xăng, tiền qua đò hết 500.000 đồng, còn 1.200.000 đồng*” (số tiền còn 1.200.000 đồng bị cáo đã nộp lại trong quá trình điều tra). “*Khoảng 17h ngày 16/6/2018, tôi có điện thoại cho N1 khi tôi đi vào thôn 9. Tôi nói: Nói với thằng N khi đổi xe xong bồi dưỡng cho anh em 20 triệu. Một lúc sau, N1 điện thoại cho tôi nói “Nó đồng ý”. Sau khi thỏa thuận và nhận tiền (2 triệu) thì tiến hành đánh tráo đổi tang vật tuy nhiên khi đưa tang vật đánh tráo vào thôn 9 thì bị lực lượng chức năng phát hiện. Còn máy cày tang vật thì phát hiện đã chuyển đến khu vực nông trường 705, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai*”. Như vậy, hành vi của Trương Xuân P đủ yếu tố cấu thành tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại Điều

[3]. Trần Hữu N không có chức vụ, quyền hạn trong việc bảo quản xe tang vật. Nhưng vì thấy xe tang vật có giá trị cao hơn, nên đã đưa 2.000.000 đồng cho bị cáo P và hứa hẹn sẽ đưa thêm 20.000.000 đồng cho bị cáo P. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2018 (BL 176), Trần Hữu N khai: “10h ngày 16/6/2018, sau khi liên hệ trước với anh N1, tôi đã hẹn gặp anh N1 và anh P để thỏa thuận đổi hai máy cày với nhau. Khoảng 30 phút sau tôi mời anh N1 và anh P tới Bảo Long quán tại đây tôi tiếp tục nói chuyện, nhờ anh P tạo điều kiện giúp tôi đổi máy cày, lúc này tôi gửi anh P 2 triệu (gồm 10 tờ polyme, giá 200.000 đồng). Anh P nói sẽ nói anh em và hứa sẽ tạo điều kiện giúp tôi. Tôi có biết chiếc xe cày đổi là xe vi phạm bị tịch thu của lâm trường, do anh P quản lý và anh P đã đồng ý”. Biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2018 (BL 178,179), N khai: “Tôi đã đưa anh P 2 triệu nhờ giúp đỡ, anh P hứa sẽ giúp đỡ và có nói với tôi rằng khi nào đổi thành công thì phải đưa thêm 20 triệu. Tôi nói lúc nào đổi thành công thì tôi sẽ đưa 20 triệu theo yêu cầu của anh P”. Như vậy, vì muốn đổi được xe (tang vật) tốt hơn giá trị hơn xe của bị cáo, nên bị cáo N đã đưa hối lộ cho bị cáo P. Do đó, hành vi của Trần Hữu N đủ yếu tố cấu thành tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự.

[4]. Lê Văn N1 không có chức vụ, quyền hạn trong việc bảo quản xe tang vật. Bị cáo là người môi giới để bị cáo P và bị cáo N gặp nhau, trao đổi với nhau, đưa và nhận hối lộ số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi bị cáo P điện thoại cho bị cáo, bảo bị cáo N phải đưa thêm 20.000.000 đồng thì bị cáo đã điện thoại thông báo ý kiến của bị cáo P cho bị cáo N. Khi bị cáo N đồng ý thì bị cáo điện thoại báo cho bị cáo P biết. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2018 (BL176) Trần Hữu N khai: “anh N1 là người giới thiệu cho tôi với anh P để đổi máy cày cho nhau và anh N1 cũng biết đó là máy cày vi phạm”. Biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2019 (BL199), Trương Xuân P khai: “Anh N1 nói là xe máy cày to và đường khó không thể kéo được nên anh N1 có nói với tôi là có gì anh tìm người có cái xe máy cày này để sửa lại chạy xuống và có gì trao đổi cho rẻ hơn. Sau đó anh N1 có điện thoại cho N về vấn đề trao đổi và hẹn tôi và anh N vào ngày 16/6/2018 gặp nhau để trao đổi việc đánh tráo tang vật vụ án nên tôi đồng ý”. Tại bản cam đoan ngày 27/8/2018 (BL 92) Lê Văn N1 khai: “Ngày 17/6/2018, Trương Xuân P cùng với Trần Hữu N đã cấu kết với nhau đánh tráo xe tang vật của vụ án. Tôi là người đã giúp P đã thỏa thuận với N thống nhất sau khi đánh tráo xe tang vật N sẽ đưa cho P 20 triệu”. Hành vi của Lê Văn N1 đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại Điều 365 Bộ luật Hình sự.

[5]. Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Trương Xuân P kể từ ngày Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 10/2019/HSPT-QĐ ngày 03/7/2019 và có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Trần Hữu N, Lê Văn N1 kể từ ngày Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 19/2019/HSPT-QĐ ngày 30/9/2019. Do đó, để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, cần phải hủy các Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm và bản án hình sự sơ

thẩm nêu trên để điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 382; khoản 3 Điều 388; Điều 391 Bộ luật tố tụng Hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 09/QĐ-VC2 ngày 16/01/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy các Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số: 10/2019/HSPT-QĐ ngày 03/7/2019 và số 19/2019/HSPT-QĐ ngày 30/9/2019, điều của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum và Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để điều tra lại theo thủ tục chung.

4. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng
(02 bản kèm hồ sơ vụ án);
- TANDTC - Vụ I;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan THA HS Công an tỉnh Kon Tum;
- TAND huyện I;
- VKSND huyện I;
- Công an huyện I;
- Cơ quan THA HS Công an huyện I;
- Các bị cáo (theo địa chỉ nêu trên);
- Nguyên đơn dân sự (theo địa chỉ nêu trên);
- Lưu: Phòng GDKT I (03 bản), HCTP, LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến